

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán VN và chế độ kế toán DN Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 3
2. Báo cáo kiểm toán:	4
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:	
- Bảng cân đối kế toán	5 – 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 24

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung:

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 12 năm 2001. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 số 4603000035 ngày 03 tháng 01 năm 2006, lần thứ 2 số 4603000035 ngày 12 tháng 01 năm 2007.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Thành viên Hội đồng quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Minh Châu (*)	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Bổ nhiệm từ ngày 09/8/2007
- Ông Nguyễn Đình Xuân	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm từ ngày 09/8/2007
- Ông Trương Văn Quan	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Trần Văn Du	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Thanh Minh	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Trương Văn Nghĩa	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Đỗ Văn Bình	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Bà Đặng Thị Hồng Phương	Ủy viên Hội đồng quản trị

(*): Được bổ nhiệm theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 09 tháng 8 năm 2007 thay cho Ông Nguyễn Đình Xuân.

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Đỗ Văn Bình	Giám đốc
- Lê Thị Xuyên	Kế toán trưởng

3. Trụ sở:

Công ty có Trụ sở chính đặt tại Quốc lộ 13, ấp Bình Giao, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, Công ty còn có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An, có trụ tại Ấp III, xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007 là sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu gỗ cao su và gỗ khác; mua bán kinh doanh sản phẩm gỗ và các vật tư, thiết bị có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

5. *Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh:*

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2007 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Trong đó, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007 như sau:

	Đơn vị: VND
- Doanh thu thuần	133.639.979.547
- Lãi sau thuế	14.848.247.132

6. *Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ:*

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. *Công ty kiểm toán:*

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC) - Chi nhánh Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007 của Công ty.

8. *Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính:*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

9. Ý kiến của Ban giám đốc:

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2008

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Bình

Số: /2008/BCKT-AFCHN

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2008

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007
của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 5 đến trang 24 kèm theo. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Báo cáo tài chính nêu trên không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC),
Chi nhánh Hà Nội**

Đỗ Thị Ánh Tuyết
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ.0079/KTV

Bùi Ngọc Hà
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.330.261.406	88.610.385.603
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.782.861.980	8.444.710.453
1.	Tiền	111	V.1	10.782.861.980	8.444.710.453
2.	Các khoản tương đương tiền	112			
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.548.819.000	48.300.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	26.548.819.000	48.300.000.000
III.	Các khoản phải thu	130		21.775.253.815	7.432.937.834
1.	Phải thu khách hàng	131		15.065.523.959	3.320.076.274
2.	Trả trước cho người bán	132		6.270.959.995	2.129.140.000
5.	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	V.3	703.951.655	2.149.898.935
6.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-265.181.794	-166.177.375
IV.	Hàng tồn kho	140		44.283.257.626	20.043.729.984
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	44.283.257.626	20.099.279.145
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-55.549.161
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4.940.068.985	4.389.007.332
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		658.762.666	61.695.411
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.617.687.100	3.616.705.881
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		663.619.219	710.606.040
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		91.446.698.143	70.131.068.153
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210			
II.	Tài sản cố định	220		83.749.319.549	68.653.496.059
1.	TSCĐ hữu hình	221	V.8	82.610.295.969	26.339.992.248
	- Nguyên giá	222		107.768.301.350	43.953.781.384
	- Giá trị khấu hao lũy kế	223		-25.158.005.381	-17.613.789.136
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.139.023.580	42.313.503.811
III.	Bất động sản đầu tư	240			
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.438.111.250	1.438.111.250
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	7.438.111.250	1.438.111.250
V.	Tài sản dài hạn khác	260		259.267.344	39.460.844
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	259.267.344	39.460.844
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		199.776.959.549	158.741.453.756

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		92.682.452.007	48.683.083.230
I.	Nợ ngắn hạn	310		92.678.894.369	48.626.784.662
2.	Phải trả cho người bán	312		15.877.493.088	19.971.179.017
3.	Người mua trả tiền trước	313		11.105.971.573	15.686.937.601
4.	Thuế và các khoản nộp Ngân sách	314	V.16	763.796.030	699.983.800
5.	Phải trả người lao động	315		4.545.866.009	6.172.019.884
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	37.849.473	5.498.345.770
9.	Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.18	60.347.918.196	598.318.590
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II.	Nợ dài hạn	320		3.557.638	56.298.568
1.	Phải trả dài hạn người bán	331			
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3.	Phải trả dài hạn khác	333			
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3.557.638	56.298.568
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		107.094.507.542	110.058.370.526
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	105.170.807.972	109.502.270.110
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		84.077.500.000	84.077.500.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		10.153.995.000	10.153.995.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4.	Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.225.751.593	533.281.470
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.591.514.247	888.091.187
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10.	Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.122.047.132	13.849.402.453
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		1.923.699.570	556.100.416
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		1.923.699.570	556.100.416
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		199.776.959.549	158.741.453.756

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
1.	Tài sản thuê ngoài			
2.	Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3.	Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4.	Nợ khó đòi đã xử lý			
5.	Ngoại tệ các loại (USD)		5.856,85	189.928,97
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 24 tháng 3 năm 2007

KẾ TOÁN TRƯỞNG**GIÁM ĐỐC****Lê Thị Xuyến****Đỗ Văn Bình**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm
2007

Đơn vị : VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	133.959.564.250	182.162.377.222
2.	Các khoản giảm trừ	03	VI.26	319.584.703	184.453.056
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	133.639.979.547	181.977.924.166
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	118.019.983.078	164.477.228.831
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.619.996.469	17.500.695.335
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	2.635.340.626	6.162.635.860
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	510.227.407	
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		347.443.606	
8.	Chi phí bán hàng	24		1.737.393.686	5.603.670.240
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.613.679.899	5.344.287.427
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.394.036.103	12.715.373.528
11.	Thu nhập khác	31		5.127.936.767	2.635.952.662
12.	Chi phí khác	32		32.288.431	28.292.979
13.	Lợi nhuận khác	40		5.095.648.336	2.607.659.683
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.489.684.439	15.323.033.211
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.31	1.641.437.307	1.473.630.758
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.848.247.132	13.849.402.453
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.766	1.647

Ngày 24 tháng 3 năm 2007

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Xuyên

Đỗ Văn Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	2007	2006
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp d.vụ và d.thu khác	01	132.612.449.209	211.747.570.117
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	-181.848.582.641	-198.221.736.082
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	-13.868.598.491	-14.931.215.067
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	-291.443.606	
5.	Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-1.032.042.803	-818.763.223
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	139.383.690.732	272.265.494.311
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-93.441.879.373	-301.411.476.415
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	-18.486.406.973	-31.370.126.359
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	-22.600.000	
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-27.083.819.000	-25.000.000.000
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.785.000.000	4.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-4.200.000.000	
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.333.831.673
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	-23.521.419.000	-16.666.168.327
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG T.CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	51.797.400.000	53.124.984.000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	34.686.730.000	
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-29.164.422.500	
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-12.973.730.000	-5.381.639.000
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	44.345.977.500	47.743.345.000
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	2.338.151.527	-292.949.686
	<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	8.444.710.453	8.737.660.139
	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng.tệ</i>	61		
	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	10.782.861.980	8.444.710.453

Ngày 24 tháng 3 năm 2007

KẾ TOÁN TRƯỞNG**GIÁM ĐỐC****Lê Thị Xuyến****Đỗ Văn Bình**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 12 năm 2001. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 số 4603000035 ngày 03 tháng 01 năm 2006, lần thứ 2 số 4603000035 ngày 12 tháng 01 năm 2007.

Vốn điều lệ của Công ty là 84.077.500.000 VND, tương đương với 8.407.750 cổ phần, tương ứng với 8.407.750 cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 VND

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thác, sơ chế, sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật, dân dụng;
- Lắp đặt đồ gỗ trong xây dựng;
- Mua bán gỗ và đồ gỗ các loại;
- Mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
- Mua bán mũ cao su;

Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Quốc lộ 13, ấp Bình Giao, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, Công ty còn có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An. Có trụ tại Ấp III, xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Đến ngày 31/12/2007, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 902 người. Trong đó số nhân viên quản lý là 42 người .

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nguyên tắc lập báo cáo tài chính: Nguyên tắc giá gốc

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002.
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 105/2003/TT-BTC ngày 04/11/2003.
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005.
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

I. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các tài khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

2. Hàng tồn kho và dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua trên hoá đơn và các chi phí liên quan phát sinh nhằm đưa hàng tồn kho vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu
Công cụ dụng cụ: Giá thực tế đích danh
- Sản phẩm dở dang: Giá trị nguyên vật liệu chính và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường
- Thành phẩm: Giá bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng này được tính vào giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<i>Loại tài sản cố định:</i>	<i>Thời gian (năm)</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 15
Máy móc thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị khác	03 – 05

4. Các khoản đầu tư tài chính

Giá trị của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá gốc của từng loại đầu tư.

Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được xác lập trên cơ sở đánh giá về khả năng và mức độ tổn thất khi xảy ra giảm giá đối với từng loại đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

5. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Các khoản chi phí đi vay được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nếu không đủ điều kiện được vốn hoá theo quy định.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá vào giá trị tài sản đó. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Ngoài ra, việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

6. Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước của công ty bao gồm chủ yếu là chi phí thiết lập trang website của Công ty và chi phí thiết lập hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm kể từ khi phát sinh.

7. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm giá trị chi phí đã tính trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính của Công ty nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính như chi phí tiền điện, nước, chi phí xuất khẩu...

8. Vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên tham gia góp vốn khi thành lập công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

9. Doanh thu:

Doanh thu bán sản phẩm Công ty được ghi nhận khi đã hoàn thành việc chuyển giao sản phẩm cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán không phụ thuộc đã thu tiền hay chưa.

Doanh thu từ xuất khẩu sản phẩm được ghi nhận khi Công ty đã hoàn tất thủ tục xuất sản phẩm cho các đối tác ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia từ việc góp vốn liên doanh và lãi chênh lệch tỷ giá.

10. Chi phí hoạt động tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được xác định theo số tiền nợ gốc vay, lãi suất vay đã được thoả thuận và thời gian vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

11. Một số nội dung khác có liên quan:

Khoản phải thu:

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến có thể bị tổn thất do các khoản phải thu chưa được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nghĩa vụ thuế như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo các mức thuế suất sau:

- Hàng tiêu thụ nội địa chịu các mức thuế suất: 5% đối với phế liệu thu hồi trên lô; 10% đối với sản phẩm sơ chế, tinh chế và phế liệu tận thu tại xưởng.
- Hàng xuất khẩu chịu thuế suất 0%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Theo Giấy phép ưu đãi đầu tư số 30/CN-UB ngày 22 tháng 3 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, Công ty được hưởng ưu đãi thuế như sau:

- Công ty miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm đầu kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (điều chỉnh theo Công văn hướng dẫn số 3568 CT/TT&HT ngày 7 tháng 6 năm 2005 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Dương).

Từ năm 2004 đến hết năm 2011 Công ty áp dụng thuế suất 20%, sau đó áp dụng thuế suất 28%.

Năm tài chính 2002 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi, Năm tài chính 2007 là năm thứ tư Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Riêng đối với chi nhánh Bình Phước, theo hướng dẫn tại Công văn số 7687/CT-TT&HT về việc ưu đãi thuế TNDN thì trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2008 chi nhánh chỉ được xét giảm thuế cùng với hoạt động của Công ty. Tiếp đó, Chi nhánh được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong thời gian 05 năm kể từ năm 2009. Chi nhánh được áp dụng thuế suất thuế TNDN 15% trong thời gian 12 năm kể từ khi Chi nhánh bắt đầu đi vào hoạt động.

Năm tài chính 2007 là năm thứ hai Chi nhánh đi vào hoạt động.

Các loại thuế khác:

Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu tạo thành tài sản cố định để thực hiện dự án đầu tư.

Các khoản khác biệt về thuế sau khi Cơ quan thuế kiểm tra và kết luận sẽ được Công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền:**

		Đơn vị: VND
	31/12/2007	01/01/2007
- Tiền mặt tại quỹ	(i) 381.327.502	291.356.753
- Tiền gửi ngân hàng	(ii) 10.391.410.708	8.153.353.700
- Tiền đang chuyển	10.123.770	-
Cộng	10.782.861.980	8.444.710.453
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2007 bao gồm:		
	USD	VND
- Đồng Việt Nam	-	381.327.502
Cộng	-	381.327.502
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2007 bao gồm:		
	USD	VND
- USD tại NH ĐT và PT - CN Bình Dương	44,75	721.173
- USD tại NH NT - CN Bình Dương	344,48	5.528.319
- USD tại NH Á Châu - CN Bình Dương	5.469,02	88.127.788
- VND tại NH ĐT và PT - CN Bình Dương		21.507.641
- VND tại NH NT - CN Bình Dương		16.078.457
- VND tại NH Á Châu - CN Bình Dương		10.245.519.902
- VND tại NH Đông Á - CN Bình Dương		11.863.687
- VND tại NH NN và PTNT Chơn Thành		2.063.741
Cộng	5.858,25	10.391.410.708

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

		Đơn vị: VND
	31/12/2007	01/01/2007
- Tiền gửi có KH tại NH TMCP Á Châu	1.548.819.000	18.800.000.000
- Tiền gửi có KH tại NH Đông Á	5.000.000.000	9.500.000.000
- Tiền gửi có KH tại C.ty Tài chính Cao su	-	10.000.000.000
- Tiền gửi UT tại Công ty Tài chính Cao su	18.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền gửi có KH tại NH TMCP Đ.Nam Á	2.000.000.000	-
Cộng	26.548.819.000	48.300.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:

Đơn vị: VND

Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

15

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

	31/12/2007	01/01/2007
- Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn	42.142.445	1.434.319.992
- Lãi thu từ góp vốn liên doanh	430.541.374	-
- Phải thu khác	231.267.836	715.578.943
Cộng	703.951.655	2.149.898.935

4. Hàng tồn kho:

Đơn vị: VND

	31/12/2007	01/01/2007
- Hàng mua đang đi đường	4.682.706.459	9.657.861.821
- Nguyên liệu, vật liệu	2.659.889.978	773.274.479
- Công cụ, dụng cụ	33.635.727	111.707.276
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.695.685.410	1.705.488.707
- Thành phẩm	17.211.340.052	7.850.946.862
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi bán	-	-
Cộng	44.283.257.626	20.099.279.145

- (i) Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

	VND
- Thành phẩm (phôi cao su và phôi trà)	55.549.161
Cộng	

- (ii) Giá trị tăng thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

	VND
- Thành phẩm	-
Cộng	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, trang thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Đơn vị: VND Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	21.194.649.286	20.367.124.762	499.600.111	1.892.407.225	-	43.953.781.384
- Mua trong năm		13.020.068.099	13.181.893.607	33.067.000	-	26.235.028.706
- Đầu tư XDCB hoàn thành	37.579.491.260	-	-	-	-	37.579.491.260
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	58.774.140.546	33.387.192.861	13.681.493.718	1.925.474.225	-	107.768.301.350
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	7.472.533.328	8.737.595.987	217.566.944	1.186.092.877	-	17.613.789.136
- Khấu hao trong năm	3.709.540.251	3.259.518.545	413.211.896	161.945.553	-	7.544.216.245
- Tăng khác						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	11.182.073.579	11.997.114.532	630.778.840	1.348.038.430	-	25.158.005.381
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	13.722.115.958	11.629.528.775	282.033.167	706.314.348	-	26.339.992.248
Tại ngày cuối năm	47.592.066.967	21.390.078.329	13.050.714.878	577.435.795	-	82.610.295.969
Trong đó: - Thẻ chấp, cầm cố						
- Đã KH hết, đang sử dụng	213.199.086					
- Chờ thanh lý						
- Các thay đổi khác						

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Tổng số chi phí XDCB dở dang:	1.139.023.580	42.313.503.811
Trong đó:		
+ Chi phí Xây lắp (Chi nhánh Bình Phước)	656.835.104	33.463.644.936
+ Máy móc thiết bị (Chi nhánh Bình Phước)	234.050.715	6.160.901.398
+ Máy móc thiết bị (Văn phòng Công ty)	-	1.870.000.000
+ Chi phí khác	248.137.761	818.957.477

Đến thời điểm 31/12/2007 hầu hết các hạng mục xây lắp và lắp đặt thiết bị, đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn I cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An đã hoàn thành và đưa vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

13. Đầu tư dài hạn khác:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh		
- Góp vốn vào Công ty Cao su Chưprông (i)	1.438.111.250	1.438.111.250
- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh (ii)	6.000.000.000	-
Cộng	7.438.111.250	1.438.111.250

(i): Khoản góp vốn liên doanh vào Công ty Cao Su Chưprông với tỷ lệ góp vốn bằng 17,5% vốn điều lệ tính đến thời điểm 31/12/2007. Tuy nhiên, đến thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2007 Công ty Cao Su Chưprông chưa có quyết định chính thức về việc chia cổ tức do đó giá trị cổ tức được nhận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007 của khoản đầu tư nêu trên chưa được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii): Khoản góp vốn tương ứng với 60.000 cổ phần chiếm 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Thịnh tính đến thời điểm 31/12/2007. Theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT ngày 26/02/2007, phần vốn góp của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An là 1.000.000.000 đồng tương đương 10.000 cổ phần, vốn huy động của cán bộ công nhân viên là 5.000.000.000 tương đương 50.000 cổ phần. Tính đến thời điểm 31/12/2007, cán bộ công nhân viên đã nộp tiền góp vốn về Công ty là 4.400.000.000 đồng.

Đối với các cán bộ công nhân viên tham gia góp vốn sẽ được hưởng cổ tức và gánh chịu rủi ro (nếu có) theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Thịnh.

14. Chi phí trả trước dài hạn:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Chi phí lập website, hệ thống ISO 9001	103.624.618	37.085.844
- Chi phí trả trước dài hạn khác	155.642.726	2.375.000
Cộng	259.267.344	39.460.844

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Thuế giá trị gia tăng	-	321.442.785
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	4.134.143	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	679.743.935	344.984.793
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	79.917.952	33.556.222
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	763.796.030	699.983.800

17. Chi phí phải trả:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Trích trước chi phí hàng xuất khẩu	37.849.473	5.498.345.770
Cộng	37.849.473	5.498.345.770

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Tài sản thừa chờ xử lý	76.353.530	38.126.084
- Bảo hiểm xã hội, y tế	132.931.258	47.709.810
- Kinh phí công đoàn	180.105.162	299.442.696
- Phải trả khác (i)	59.958.528.246	213.040.000
Cộng	60.347.918.196	598.318.590

(i) Trong đó bao gồm:

- Phải trả cán bộ công nhân viên tiền góp vốn Mua cổ phần Công ty CP ĐTXD Phú Thịnh:	4.400.000.000 đồng
- Cổ tức đợt 1 năm 2007 còn phải trả:	3.749.280.000 đồng
- Tiền thu từ việc phát hành cổ phiếu:	51.750.505.000 đồng
+ Tăng vốn điều lệ (ii):	19.922.500.000 đồng
+ Tăng thặng dư vốn cổ phần:	31.828.005.000 đồng

- (ii) Quyết định số 10/QĐ-SGDHCM ngày 15 tháng 01 năm 2008 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An được niêm yết bổ sung 1.992.250 cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

22. Vốn chủ sở hữu:

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	40.155.000.000	-	-	354.809.717	10.665.629.399	51.175.439.116
- Tăng vốn trong năm trước	43.922.500.000	10.153.995.000	-	-	-	54.076.495.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	13.863.537.961	13.863.537.961
- Tăng khác	-	-	533.281.470	533.281.470	-	1.066.562.940
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức năm 2005	-	-	-	-	(8.031.000.000)	(8.031.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.634.629.400)	(2.634.629.400)
- Giảm khác	-	-	-	-	(14.135.507)	(14.135.507)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	84.077.500.000	10.153.995.000	533.281.470	888.091.187	13.849.402.453	109.502.270.110
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	14.848.247.132	14.848.247.132
- Tăng khác	-	-	692.470.123	703.423.060	-	1.395.893.183
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức năm 2006 (i)	-	-	-	-	(10.930.075.000)	(10.930.075.000)
- Chia cổ tức đợt 1 năm 2007 (ii)	-	-	-	-	(6.726.200.000)	(6.726.200.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.919.327.453)	(2.919.327.453)
Số dư cuối kỳ này	84.077.500.000	10.153.995.000	1.225.751.593	1.591.514.247	8.122.047.132	105.170.807.972

(i): Chia cổ tức năm 2006 là 13% lợi nhuận chưa phân phối.

(ii): Chia cổ tức đợt 1 năm 2007 là 8% từ khoản lợi nhuận chưa phân phối năm 2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Vốn góp của các cổ đông	84.077.500.000	84.077.500.000
Cộng	84.077.500.000	84.077.500.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

Vốn chủ sở hữu

	Năm 2007	Đơn vị: VND Năm 2006
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	84.077.500.000	84.077.500.000
+ Vốn góp đầu năm	84.077.500.000	40.155.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	43.922.500.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	84.077.500.000	84.077.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.656.275.000	8.031.000.000

(*): Cổ tức lợi nhuận đã chia trong năm 2006 bao gồm 20% cổ tức năm 2005.

Cổ tức lợi nhuận đã chia trong năm 2007 bao gồm 13% cổ tức năm 2006 và 8% cổ tức đợt 1 năm 2007.

Cổ phiếu:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.407.750	8.407.750
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.407.750	8.407.750
+ Cổ phiếu phổ thông	8.407.750	8.407.750
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.407.750	8.407.750
+ Cổ phiếu phổ thông	8.407.750	8.407.750
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 VND/1 cổ phiếu

Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2007	Đơn vị: VND 01/01/2007
- Quỹ đầu tư phát triển	1.225.751.593	533.281.470
- Quỹ dự phòng tài chính	1.591.514.247	888.091.187
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	2.817.265.840	1.421.372.657

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Đơn vị: VND

	2007	2006
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>133.959.564.250</u>	<u>182.162.377.222</u>
- Doanh thu bán hàng	133.959.564.250	182.162.377.222
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		-

26. Các khoản giảm trừ doanh thu:

Đơn vị: VND

	2007	2006
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	<u>319.584.703</u>	<u>184.453.056</u>
- Hàng bán bị trả lại	319.584.703	184.453.056
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-

27. Doanh thu thuần:

Đơn vị: VND

	2007	2006
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ	<u>133.639.979.547</u>	<u>181.977.924.166</u>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	133.639.979.547	181.977.924.166
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp:

Đơn vị: VND

	2007	2006
- Giá vốn hàng hoá đã bán	-	-
- Giá vốn thành phẩm đã bán	118.019.983.078	164.477.228.831
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u>118.019.983.078</u>	<u>164.477.228.831</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

29. Doanh thu hoạt động tài chính:

Đơn vị: VND

	2007	2006
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.965.578.081	5.768.151.665
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	430.541.374	211.666.762
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	235.693.861	182.817.433
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.527.310	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	2.635.340.626	6.162.635.860

30. Chi phí hoạt động tài chính:

Đơn vị: VND

	2007	2006
- Lãi tiền vay	347.443.606	-
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	162.783.801	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	510.227.407	-

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Đơn vị: VND

	2007	2006
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.641.437.307	1.473.630.758
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
Cộng	1.641.437.307	1.473.630.758

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

Đơn vị: VND

	2007	2006
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.274.261.114	144.315.205.820
- Chi phí nhân công	14.701.426.396	12.377.826.286
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.709.746.544	7.625.963.394
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.163.843.850	1.434.301.852
- Chi phí khác bằng tiền	4.590.028.947	19.077.552.818
Cộng	87.439.306.851	184.830.850.170

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

Địa chỉ: Quốc lộ 13 - Ấp Bình Giao - Thuận Giao - Thuận An – Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

I.. Thông tin so sánh:

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An đã được kiểm toán bởi Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán – Chi nhánh Hà Nội nay là Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán tại Hà Nội.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập ngày 24 tháng 3 năm 2008

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Xuyên

Đỗ Văn Bình